



## Hướng tới tương lai: cải tổ y tế/Embracing the future: health care reform

Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Hợp Túi Tiền mà tổng thống Obama ký phê chuẩn vào tháng Ba về căn bản sẽ cải tổ thị trường bảo hiểm. Chúng tôi không thể bắt đầu giải thích tất cả các khía cạnh của luật Cải Tổ Y Tế. Nhưng chúng tôi biết hai điều:

The Patient Protection and Affordable Care Act that President Obama signed in March fundamentally reforms the insurance market. We can't begin to explain all the ramifications of Health Care Reform. But we do know two things:

- ▶ **Thứ nhất**, nhiệm vụ hiện đại hóa hệ thống chăm sóc sức khỏe mới chỉ bắt đầu.  
**First**, the job of modernizing the health care system is just beginning.
- ▶ **Thứ nhì**, tương lai thuộc về những người mong muốn thực hiện thay đổi và những người nóng lòng muốn cải tiến hệ thống y tế qua các sáng kiến và phương thức tốt nhất đã được kiểm chứng.  
**Second**, the future belongs to those who are willing to embrace change and who have a burning desire to improve the health care system through innovations and proven best practices.

UnitedHealthcare quyết tâm vì một nền cải tổ y tế toàn diện vì chúng tôi tin rằng tất cả mọi người đều xứng đáng được hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt. Quan trọng hơn, chúng tôi đã sẵn sàng ngay bây giờ; ngay hôm nay. Trên thực tế, chúng tôi đã bắt đầu thực thi các điều khoản quan trọng của đạo luật cải cách nói trên – sớm hơn kế hoạch rất nhiều.

UnitedHealthcare is committed to comprehensive health reform because we believe everyone deserves equal access to quality health care. Even more importantly, we're ready to begin right now; today. In fact, we've already begun carrying out important provisions of the reform bill – months ahead of schedule.

[www.uhcviet.com](http://www.uhcviet.com)

### Nhận cuốn cẩm nang hướng dẫn về cải tổ y tế miễn phí/ Get your free reform guide

Bây giờ là lúc nên bắt đầu lập kế hoạch thực hiện các quy chế cải tổ. Để biết thêm chi tiết về các thay đổi và ảnh hưởng đối với hãng quý vị, xin tới trang mạng [www.uhc.com/reform](http://www.uhc.com/reform) để tải xuống cẩm nang hướng dẫn miễn phí *Navigating Health Care Reform - An Employer's Guide (Tìm Hiểu Luật Cải Tổ Y Tế – Cẩm Nang Hướng Dẫn dành cho Hãng Sở)*.

Now is the time to begin planning your strategy for carrying out the reform regulations.

For more details about the changes and how they affect your firm, visit [www.uhc.com/reform](http://www.uhc.com/reform) to download our free guide, *Navigating Health Care Reform – An Employer's Guide*.

Ví dụ, hai phần của đạo luật y tế mới bắt đầu có hiệu lực từ tháng Chín năm nay sẽ yêu cầu phải có bảo hiểm cho người phụ thuộc tới tối đa là năm 26 tuổi và nghiêm cấm việc hủy bỏ bảo hiểm. Nhưng thay vì chờ đợi, trong tháng Tư chúng tôi đã công bố sẽ cung cấp bảo hiểm sức khỏe cho các sinh viên đại học tốt nghiệp năm nay. Còn trong tháng Năm, chúng tôi đã ngừng áp dụng chính sách hủy bỏ bảo hiểm được sử dụng hạn chế, trừ các trường hợp gian lận hoặc cố ý khai man. Trong cả hai trường hợp, chúng tôi đều hoàn tất sớm hơn thời hạn rất nhiều.

For example, two parts of the new health care legislation coming into effect in September of this year will require dependent coverage up to age 26 and ban the practice of rescission. But instead of waiting, we announced in April that we will extend the health coverage for college students graduating this year. And in May we ended our limited use of rescission, except in cases of fraud or intentional misrepresentation. In both cases we are well ahead of the deadline.

### **Các vấn đề ưu tiên cải tổ trong tương lai/ Future reform priorities**

Nhưng đó mới chỉ là phần nổi của tảng băng chìm. Vấn đề cải tổ y tế sẽ có hàng loạt thay đổi trong nhiều năm tới. Một số thay đổi này sẽ ảnh hưởng tới công ty của quý vị, một số khác lại không. Tiếp theo đây là bảng tóm lược về các thay đổi và khung thời gian thực hiện.

But these are just the tip of the iceberg. Health care reform will unfold in a series of changes for many years to come. Some of these changes will affect your firm, others will not. The next page shows a convenient summary chart listing the changes and general timelines.

## Tham chiếu về thời gian thực hiện cải tổ y tế/ Health reform quick reference timeline

Ngày Có Hiệu Lực/ Effective Date	Thay đổi/Change
Sau khi có sắc lệnh thi hành vào ngày 23 tháng Ba, 2010/ Upon enactment March 23, 2010	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thủ tục ghi danh tham gia tự động* - Các hãng sở có hơn 200 nhân viên phải tự động ghi danh tham gia cho tất cả các nhân viên mới làm việc toàn thời gian ngay khi họ hội đủ điều kiện nhận bảo hiểm, và nhân viên có thể lựa chọn không có bảo hiểm./Automatic enrollment* process - Employers with more than 200 employees must automatically enroll all new full-time employees as soon as they are eligible for coverage, and employees may opt out of coverage.</li> </ul>
90 ngày sau khi có sắc lệnh thi hành vào ngày 23 tháng Ba, 2010/90 days following enactment on March 23, 2010	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chương trình tái bảo hiểm tạm thời cho người nghỉ hưu/ Temporary retiree reinsurance program</li> <li>• Nhóm có mức rủi ro cao/High risk pool</li> </ul>
<p>2010</p> <p>Kể từ sau ngày 23 tháng Chín, 2010/ On or after September 23, 2010</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bảo hiểm cho con cái đã trưởng thành tới năm 26 tuổi/Adult children coverage to age 26</li> <li>• Các mức giới hạn hàng năm chỉ được phép áp dụng cho các quyền lợi bảo hiểm không quan trọng (sẽ được qui định sau)/Annual limits only allowed on non-essential benefits (to be defined)</li> <li>• Không có giới hạn cả đời đối với các quyền lợi bảo hiểm quan trọng/No lifetime limits on essential benefits</li> <li>• Không áp dụng các qui định loại trừ bệnh có sẵn từ trước đối với những người tham gia dưới 19 tuổi/No pre-existing condition exclusions for enrollees under age 19</li> <li>• Không hủy bỏ bảo hiểm (chủ yếu là bảo hiểm cá nhân và bảo hiểm theo nhóm nhỏ)/No rescissions (primarily individual and small group coverage)</li> <li>• Bảo hiểm hoàn toàn (không phải trả tiền khấu trừ) cho một số dịch vụ chăm sóc ngừa bệnh qui định/First dollar coverage for certain defined preventive care**</li> <li>• Phải sử dụng thủ tục kháng cáo bên ngoài/External appeal process required**</li> <li>• Các nguyên tắc không phân biệt đối xử áp dụng cho các chương trình được bảo hiểm/Non-discrimination rules extended to insured plans**</li> <li>• Các dịch vụ cấp cứu mà không cần xin phép trước/được điều trị như trường hợp sử dụng dịch vụ trong mạng lưới/Emergency services without prior authorization/treated as in-network**</li> <li>• Có thể chọn bác sĩ nhi khoa của con làm bác sĩ chăm sóc chính/Child's pediatrician may be chosen as the primary care physician**</li> <li>• Phụ nữ có thể chọn bác sĩ sản phụ khoa mà không cần giấy giới thiệu hoặc xin phép trước/A woman can choose her OB-GYN without referral or preauthorization**</li> </ul>
<p>2011</p> <p>Ngày 1 tháng Một, 2011/ January 1, 2011</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không hoàn trả chi phí qua FSA đối với các loại thuốc mua không cần toa thuốc, trừ khi được kê toa/No reimbursement through the FSA for over-the-counter drugs unless prescribed</li> <li>• Mẫu W-2 báo cáo giá trị quyền lợi bảo hiểm (đối với mẫu W-2 cấp trong tháng Một, 2010 liên quan tới năm đóng thuế 2011)/Form W-2 reporting of value of benefits (for W-2 issued in January 2012 with respect to tax year 2011)</li> <li>• Tăng mức phạt đối với các trường hợp rút tiền trong HSA không liên quan tới y tế (từ 20 tới 30 phần trăm)/Increased penalty for non-medical HSA withdrawals (from 20 to 30 percent)</li> </ul>



## Tham chiếu về thời gian thực hiện cải tổ y tế/ Health reform quick reference timeline

	Ngày Có Hiệu Lực/ Effective Date	Thay đổi/Change
2012	Ngày 23 tháng Ba, 2012/ March 23, 2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Giải thích đồng loạt về bảo hiểm/Uniform explanation of coverage</li> <li>• Tài liệu bảo hiểm trước khi ghi danh tham gia dài 4 trang, nêu rõ các quyền lợi bảo hiểm và trường hợp loại trừ/4 page pre-enrollment coverage document sent outlining benefits and exclusions</li> <li>• Thông báo trước 60 ngày về các sửa đổi quan trọng/60-day notice in advance of material modifications</li> </ul>
2013	Ngày 1 tháng Một, 2013/ January 1, 2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tăng thuế Medicare đối với những người có mức lợi tức cao/Medicare tax increase for high-earners</li> <li>• Không khấu trừ tiền trợ cấp thuốc cho người nghỉ hưu/No deduction for retiree drug subsidy</li> <li>• Mức đóng góp vào tương mục FSA cho chi phí chăm sóc sức khỏe qua hình thức trừ lương (giới hạn \$2,500)/Cap on salary reduction health FSA contributions (\$2,500 limit)</li> <li>• Lệ phí đánh giá hiệu quả điều trị (các năm bảo hiểm kết thúc sau ngày 30 tháng Mười một, 2012)/Comparative effectiveness fee (policy years ending after November 30, 2012)</li> </ul>
	Ngày 1 tháng Ba, 2013/ March 1, 2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông báo cho hãng sở về các thay đổi/Employer notification regarding exchanges</li> </ul>
2014	Ngày 1 tháng Một, 2014/ January 1, 2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các thay đổi ở cấp tiểu bang/State-based exchanges</li> <li>• Mức phạt đối với hợp đồng bảo hiểm phụ miễn phí/Free rider penalty</li> <li>• Không có các loại trừ về căn bệnh có sẵn từ trước/No pre-existing condition exclusions</li> <li>• Chứng nhận bảo hiểm của hãng sở/Employer certification of coverage</li> <li>• Tăng các mức thưởng của chương trình bảo vệ sức khỏe (từ 20% tới 30%)/Increased wellness program incentives (from 20% to 30%)</li> <li>• Ủy quyền cá nhân/Individual mandate</li> <li>• Các phiếu lựa chọn miễn phí/Free choice vouchers</li> <li>• Không có các mức giới hạn hàng năm/No annual limits</li> <li>• Bảo hiểm bắt buộc cho các cuộc thử nghiệm điều trị đối với những căn bệnh đe dọa tới tính mạng/Required coverage for clinical trials for life-threatening diseases</li> <li>• Giới hạn 90 ngày đối với các giai đoạn chờ đợi/90-day limit on waiting periods</li> <li>• Chương trình tái bảo hiểm cho người nghỉ hưu nếu chưa hết ngân quỹ/Retiree reinsurance program ends if money has not already run out</li> </ul>

\* Đạo luật không qui định ngày có hiệu lực riêng (vì vậy bắt đầu có hiệu lực từ ngày 23 tháng Ba, 2010), tuy nhiên trên thực tế, các hãng sở có thể không chấp hành được cho tới khi các qui chế được ban hành./The legislation does not set out a separate effective date (so effective on March 23, 2010), however as a practical matter, employers may not be able to comply until regulations are issued.

\*\* Chỉ áp dụng cho các chương trình không chuyển tiếp từ trước chương trình cũ trước khi luật có hiệu lực. Các chương trình chuyển tiếp từ trước được miễn cho tới khi diện này không còn áp dụng được./Applies to non-grandfathered plans only. Grandfathered plans are exempt until the status is lost.